

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **197/2020/TLST - HNGĐ** ngày 06 tháng 10 năm 2020 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị D - Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn KM, xã KT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

**Bị đơn:** Anh Trương Công N - Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn TY, xã TL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị D và anh Trương Công N.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**\* Về con chung:** Anh Trương Công N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trương Công Bảo L - Sinh ngày 21/6/2014 đến tuổi thành niên. Chị Bùi Thị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh Trương Công N là 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2021, cho đến khi cháu L đến tuổi thành niên.

Chị Bùi Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

\* **Về phần tài sản:** Chị Bùi Thị D và anh Trương Công N tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Về án phí:** Chị Bùi Thị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm việc thuận tình ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2019/0012035 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc. Chấp nhận chị D đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Xuân Vinh**